

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giao dịch khởi sắc trước thông tin số ca nhiễm mới sụt giảm

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm, tuy nhiên áp lực bán gia tăng về cuối phiên

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

YEG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT tiếp tục được khuyến nghị trải lệnh từng phần khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ gần 92x

12/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	937.68	+0.32
VN30	863.23	+0.80
HĐTL VN30	856.60	+0.74
HNXIndex	108.51	+3.56
HNX30	188.59	+2.67
UPCoM	55.91	+0.43
USD/VNĐ	VND23,242	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.05	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.30	+20
Dầu (WTI, \$)	49.94	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,563.81	-0.26

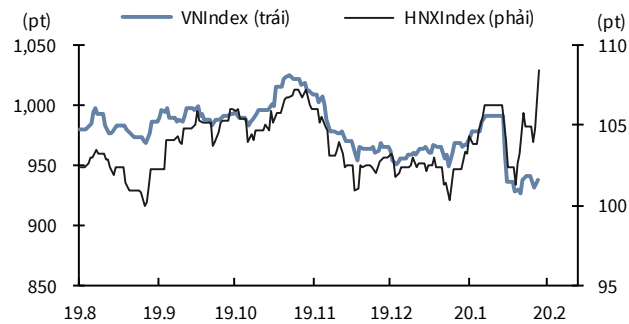


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	937.68 (+0.32%)
KLGD (triệu CP)	187.3 (+22.6%)
GTGD (triệu U\$)	182.2 (+33.3%)
HNXIndex	108.51 (+3.56%)
KLGD (triệu CP)	41.5 (+57.1%)
GTGD (triệu U\$)	23.8 (+109.1%)
UPCoM	55.91 (+0.43%)
KLGD (triệu CP)	7.7 (+0.0%)
GTGD (triệu U\$)	5.5 (+24.4%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	-2.3

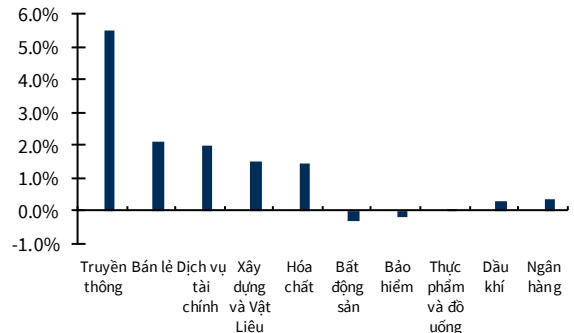
TTCK Việt Nam có phiên giao dịch khởi sắc trước thông tin số ca nhiễm mới sụt giảm tại Trung Quốc, củng cố thêm kỳ vọng về việc dịch bệnh sẽ được kiểm soát và kết thúc vào tháng 4 tới đây. Nhóm cổ phiếu ngân hàng (ACB, TCB, MBB), tiếp tục tăng điểm trên diện rộng, dù áp lực chốt lời đã xuất hiện ở bộ đôi cổ phiếu tăng mạnh trong thời gian qua là BID, CTG. Thông tin tích cực liên quan đến dịch Corona cũng giúp giá dầu giao dịch khởi sắc trên thị trường Châu Á, hỗ trợ đà tăng ở nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD, PVS). Trong khi đó, kỳ vọng vào việc Châu Âu bỏ phiếu thông qua hiệp định EVFTA trong ngày hôm nay giúp cổ phiếu thuộc các ngành liên quan tăng điểm như dệt may (TCM, TNG, FTM) và thủy sản (VHC, AAM, MPC). Đáng chú ý, với việc tâm lý nhà đầu tư chuyển biến tích cực, hàng loạt các cổ phiếu mang tính thị trường cao đồng loạt tăng trần như ROS, KLF, AMD, HAI...

VN Index & HNX Index



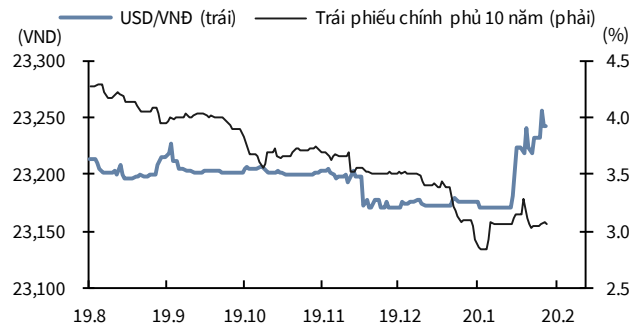
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **863.23 (+0.80%)**
VN30 tương lai **856.6 (+0.74%)**
Mở cửa **849.1**
Cao nhất **864.7**
Thấp nhất **849.1**

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm, tuy nhiên áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến mức tăng ở F2002 yếu hơn mức tăng chỉ số VN30 Index, kéo theo chênh lệch âm được mở rộng nhẹ lên mức -6.6 điểm. Thanh khoản thị trường tăng mạnh trở lại. Mặc dù vậy, giao dịch của NĐT nước ngoài có phần trầm lắng với mức bán ròng nhẹ ở F2002, trong khi mua ròng nhẹ ở F2003.

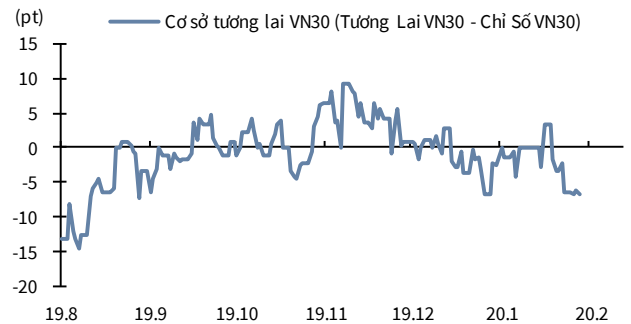
Hợp đồng **129,080 (+23.8%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



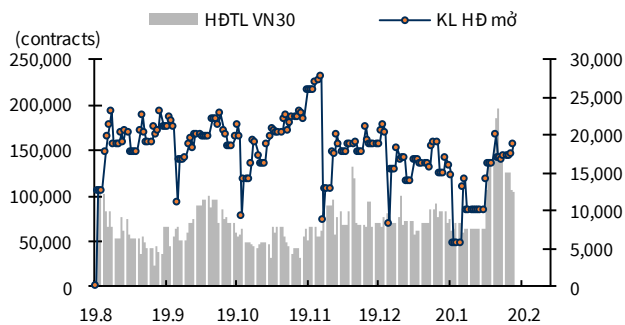
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



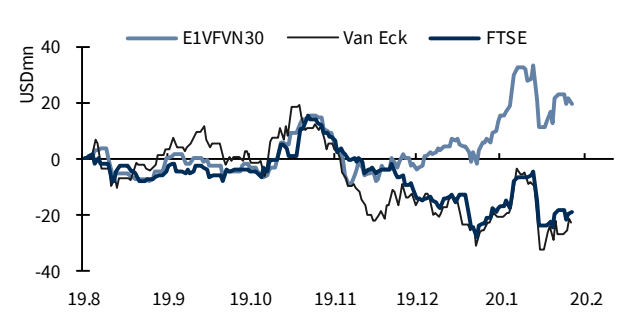
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

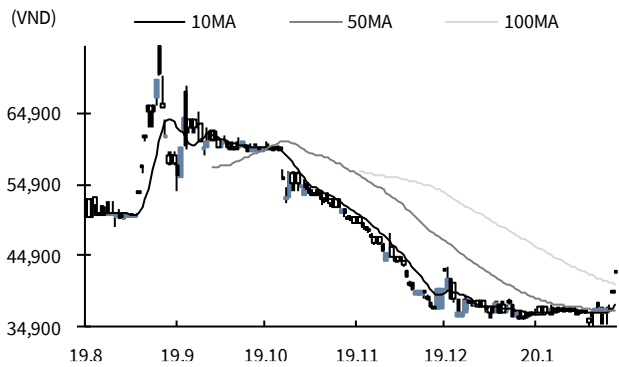
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Yeah1 (YEG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- YEG tăng +7% lên 42,900 VNĐ/cp.

- Chủ tịch HĐQT YEG, ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống, và Tổng giám đốc, ông Đào Phúc Trí, đồng loạt đăng ký bán cổ phần tại YEG với khối lượng lần lượt là 5.05 triệu và 1.1 triệu cổ phiếu. Cả 2 giao dịch đều có mục đích là để bán cho đối tác chiến lược, được thực hiện qua giao dịch thỏa thuận từ 17/02 đến 17/03. Sau giao dịch, tỷ lệ nắm giữ của ông Tống và ông Trí lần lượt ở mức 8.3% và 4.8%. Thông tin về bên mua chưa được công bố.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

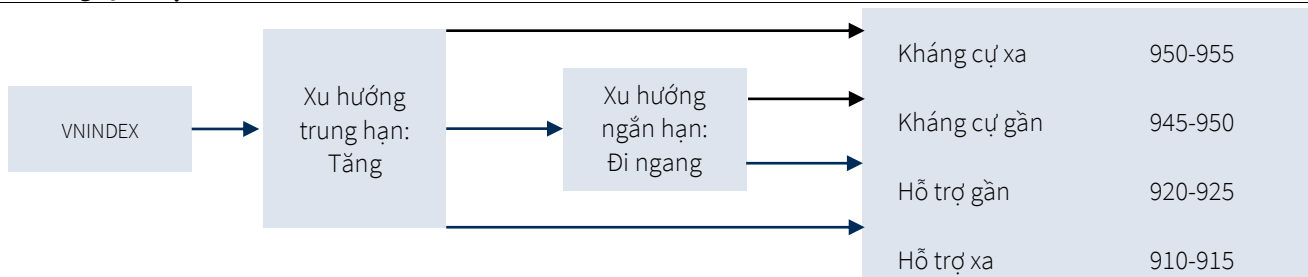
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Mở gap rộng đầu phiên giúp chỉ số tiếp nối đà hồi phục dù áp lực bán gia tăng mạnh vào cuối phiên đã thu hẹp đà tăng. Mẫu nến đảo chiều pin bar cũng xuất hiện khi chỉ số vẫn gặp rung lắc tại cận dưới của vùng kháng cự quanh 945.
- Thất bại trong việc vượt qua mốc kháng cự hiện tại, trạng thái kỹ thuật hiện vẫn trung tính, để ngỏ khả năng còn linh hình điều chỉnh nhưng chúng tôi cho rằng rủi ro giảm sâu của chỉ số đã giảm bớt khi những đáy gần đây dần cao hơn đáy trước.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị trải lệnh từng phần khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ gần 92x.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

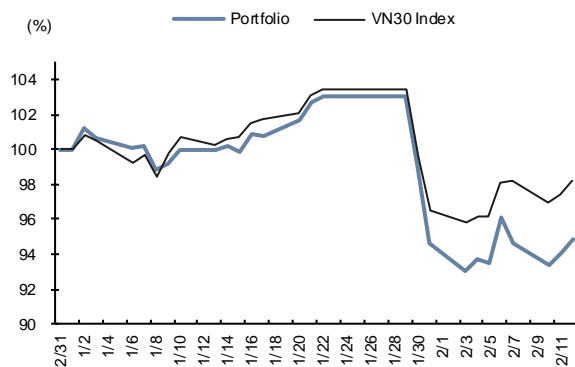
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.80%	0.83%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.80%	-5.13%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	109,000	2.3%	-6.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,800	2.7%	0.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,500	12%	7.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,650	2.1%	9.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	34,750	15%	2.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	54,100	0.9%	40.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,200	-2.0%	11.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	129,200	0.2%	3.4%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,800	0.8%	1.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	16,500	1.9%	-6.6%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1FVN30	1.4%	99.3%	27.4
HPG	0.9%	38.7%	13.7
PLX	0.2%	13.3%	5.6
VHM	0.4%	15.0%	5.1
NT2	1.4%	18.6%	4.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	4.9%	17.1%	0.5
SHB	1.4%	10.5%	0.3
TNG	6.6%	16.2%	0.3
VCS	0.6%	2.3%	0.2
VCG	0.0%	0.5%	0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	12.5%	PHR, DPM
Hóa chất	7.0%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	6.6%	TCH, DRC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.8%	GAS, POW
Xây dựng và Vật Liệu	4.9%	CTD, ROS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	14.3%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	6.9%	TCH, HHS
Y tế	5.3%	DHG, IMP
Hóa chất	-1.5%	PHR, DCM
Xây dựng và Vật Liệu	-2.2%	CTD, GAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	112,000	378,832 (16,311)	56,167 (2.4)	22.1	40.0	25.4	48.4	8.2	18.9	4.3	3.8	-1.2	-2.2	-2.4	-2.6
	VHM	VINHOMES JSC	86,500	284,543 (12,251)	66,377 (2.9)	34.0	10.5	8.5	38.0	36.7	32.3	3.4	2.4	0.3	0.6	2.4	2.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,250	71,010 (3,057)	46,741 (2.0)	16.1	20.7	16.6	17.1	10.9	11.8	2.3	2.1	-0.5	7.9	-8.0	-8.1
	NVL	NOVA LAND INVES	54,400	52,743 (2,271)	24,970 (1.1)	31.8	18.1	16.1	-7.7	12.4	12.1	2.1	-	0.4	0.7	-2.5	-8.6
	KDH	KHANGDIENHOUSE	25,300	13,774 (593)	4,085 (0.2)	4.4	11.3	10.2	20.8	15.1	14.8	1.7	1.5	1.2	2.2	-1.2	-5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	12,800	7,760 (334)	30,236 (1.3)	5.5	4.5	3.2	3.3	18.0	22.7	0.8	-	1.2	17.4	-4.5	-11.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,400	331,574 (14,276)	106,257 (4.6)	6.2	15.8	13.8	24.5	24.2	22.1	3.1	2.6	0.2	0.6	-0.1	-0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	50,800	204,319 (8,797)	51,587 (2.2)	12.0	23.2	19.1	15.9	13.7	14.5	2.4	2.3	0.0	-5.0	-1.0	10.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,650	79,278 (3,413)	65,723 (2.8)	0.0	7.2	6.2	8.1	17.0	16.4	1.1	0.9	2.3	4.1	-2.2	-3.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,200	101,277 (4,360)	218,998 (9.4)	0.3	10.5	7.2	33.5	13.8	17.0	1.2	1.0	-2.0	2.4	15.5	30.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,850	63,016 (2,713)	100,087 (4.3)	0.0	6.6	5.8	13.6	20.9	19.6	1.2	1.0	1.8	7.0	22.8	29.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,650	50,815 (2,188)	152,567 (6.6)	0.0	6.0	5.1	15.5	20.9	20.4	1.1	0.9	2.1	2.4	1.2	4.1
	HDB	HDBANK	29,200	28,109 (1,210)	49,168 (2.1)	6.4	7.7	6.7	12.8	19.5	19.6	1.4	1.2	0.7	2.8	3.9	6.0
	STB	SACOMBANK	11,550	20,832 (897)	87,305 (3.8)	11.4	7.1	5.6	56.6	10.3	13.2	0.7	0.6	1.8	12.7	10.0	14.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,050	17,399 (749)	2,143 (0.1)	0.0	5.4	4.7	33.5	22.4	21.3	1.1	-	0.2	-0.2	-2.1	0.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,450	21,454 (924)	2,303 (0.1)	0.0	23.1	23.8	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	-0.6	1.5	-3.1	-2.0
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	57,500	42,684 (1,838)	11,259 (0.5)	19.5	30.6	12.5	8.0	8.8	16.6	2.3	1.9	-0.5	1.2	-14.2	-16.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	23,900	2,183 (094)	1,039 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-2.8	-3.6	-3.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,800	9,221 (397)	37,306 (1.6)	45.0	4.0	7.6	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	2.0	5.0	-2.7	-1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,350	4,495 (194)	1,167 (0.1)	64.4	7.5	6.3	-14.5	14.1	14.8	1.0	0.9	3.2	2.6	-5.0	-7.3
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,950	5,790 (249)	26,001 (1.1)	44.5	11.1	6.6	-16.4	12.5	17.7	1.2	1.1	2.7	3.6	-9.8	-11.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,300	2,982 (128)	3,351 (0.1)	8.9	8.2	6.3	-4.2	12.5	15.1	0.9	0.8	1.1	1.4	0.0	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	107,200	186,676 (8,037)	122,807 (5.3)	41.3	18.0	17.2	7.1	39.1	38.6	6.1	5.5	0.0	0.6	-9.8	-8.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	191,000	122,485 (5,274)	9,310 (0.4)	36.7	21.5	16.5	19.7	32.0	36.8	6.0	5.4	-1.5	-1.5	-18.2	-16.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,500	59,032 (2,542)	43,471 (1.9)	10.1	15.2	12.4	-19.9	11.7	13.1	1.5	1.3	1.2	1.0	-10.6	-10.6
	HNG	HOANGANH GIA LA	13,600	15,076 (649)	3,802 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	7.1	-3.2	-2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	129,200	67,680 (2,914)	61,794 (2.7)	10.5	11.2	8.9	10.1	37.8	40.5	3.4	2.7	0.2	1.7	-11.6	-11.6
	GMD	GEMADEPT CORP	19,150	5,686 (245)	9,206 (0.4)	0.0	10.1	9.9	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	0.3	1.3	-13.0	-17.8
	CII	HOCHIMINH CITY	23,900	5,923 (255)	12,044 (0.5)	19.1	7.1	9.6	202.7	17.5	12.8	0.9	-	0.2	-1.0	0.4	6.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	9,220	5,233 (225)	42,201 (1.8)	44.8	-	-	-	-	-	-	-	7.0	22.6	-24.1	-46.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,000	9,277 (399)	11,709 (0.5)	33.5	9.6	7.4	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	0.3	-0.5	-3.6	-1.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	65,000	4,959 (214)	11,193 (0.5)	2.2	7.8	9.6	-30.7	7.8	6.1	0.6	-	3.2	28.5	31.2	26.7
	REE	REE	34,750	10,774 (464)	28,832 (1.2)	0.0	6.1	5.4	-0.6	15.7	15.0	0.9	-	1.5	4.4	-2.7	-4.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,000	164,600 (7,087)	26,725 (1.2)	45.3	14.4	13.3	-0.4	23.8	24.7	3.1	3.0	0.5	5.4	-10.3	-8.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,200	6,103 (263)	4,407 (0.2)	30.4	8.2	7.7	-0.9	18.8	19.7	-	-	1.4	10.1	11.6	-2.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,600	8,528 (367)	4,698 (0.2)	32.6	9.3	9.0	-9.1	16.3	16.6	1.5	-	1.1	3.5	4.1	-1.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,800	65,714 (2,829)	204,938 (8.8)	10.3	7.6	6.3	1.6	17.6	18.8	1.2	1.0	0.8	-2.7	-1.7	1.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,050	4,716 (203)	4,205 (0.2)	30.2	10.5	8.0	-16.2	6.3	7.9	0.6	0.6	3.0	5.7	-5.5	-6.9
	DCM	PETROCA MAU FER	6,060	3,208 (138)	1,308 (0.1)	46.8	-	9.9	-	5.3	5.1	0.5	0.5	2.2	6.5	1.3	-6.8
	HSG	HOA SENG GROUP	7,880	3,335 (144)	47,303 (2.0)	30.6	8.6	6.5	-5.5	7.2	8.3	0.5	0.5	0.5	-1.9	-2.6	0.9
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	12,350	2,114 (091)	23,492 (1.0)	37.0	5.5	-	49.2	16.3	-	0.7	-	0.8	10.3	2.1	-2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,900	62,994 (2,712)	19,791 (0.9)	6.7	15.2	13.8	11.9	19.3	19.4	3.0	3.0	0.2	2.7	-5.0	-5.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,550	5,706 (246)	45,325 (2.0)	30.4	25.7	9.6	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	1.5	8.4	-10.6	-10.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,550	3,814 (164)	7,014 (0.3)	17.2	5.4	5.5	6.9	13.8	14.9	0.7	-	1.1	2.7	-13.4	-19.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	109,000	49,400 (2,127)	86,775 (3.7)	0.0	10.3	8.7	25.8	34.4	32.5	3.0	2.4	2.3	0.9	-5.3	-4.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,500	18,578 (800)	72,270 (3.1)	0.0	14.0	12.4	20.3	27.7	27.1	3.3	2.9	1.2	-0.2	-6.8	-4.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	42,900	1,266 (054)	907 (0.0)	68.2	25.8	-	-40.0	4.9	-	1.3	-	7.0	14.4	18.5	15.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,100	1,430 (062)	5,209 (0.2)	3.2	4.5	4.5	-3.9	21.1	18.8	0.9	0.8	-0.5	3.4	-8.1	-14.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	39,500	5,352 (230)	14,250 (0.6)	43.1	4.9	17.9	31.3	35.3	-	1.5	-	1.5	17.4	1.5	3.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,500	13,009 (560)	4,650 (0.2)	45.7	20.2	18.9	4.8	19.7	20.0	3.7	3.5	0.5	3.1	13.1	8.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	55,000	4,126 (178)	964 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	3.6	3.8	1.3
IT	FPT	FPTCORP	54,100	36,695 (1,580)	102,856 (4.4)	0.0	9.7	8.9	26.6	25.1	26.1	2.2	1.9	0.9	4.0	-5.9	-7.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.